

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH Tuần 02 (09-13/01/2023)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

Ngân hàng Thế giới dự báo nền kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng 1,7% vào năm 2023 và 2,7% vào năm 2024;

Mỹ: Tâm lý tiêu dùng Mỹ tăng cao nhất 9 tháng; CPI tháng 12/2022 giảm lần đầu tiên kể từ tháng 5/2020; Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tuần đầu năm (đến 07/01/2023) giảm;

Khu vực EURO: Niềm tin tiêu dùng tăng cao nhất 7 tháng; Lạm phát tăng thấp nhất 4 tháng; Thất nghiệp ở mức thấp kỷ lục;

Trung Quốc: Thặng dư thương mại cao kỷ lục, đạt 878 tỷ USD.

FED: Xác suất tăng lãi suất tăng 25 điểm cơ bản rất cao;

Lãi suất điều hành khu vực Đông Nam Á: Chu kỳ tăng lãi suất có thể kết thúc trong quý I/2023.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

Nghị quyết 01/NQ-CP: 06 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành; 11 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu;

WB dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam: 6,3%, IMF dự báo: 5,8%

Viện Quản lý kinh tế trung ương dự báo 2 kịch bản tăng trưởng: 6,47% - 6,83%.

Lãi suất VND liên ngân hàng tiếp tục tăng ở tất cả các kỳ hạn;

tỷ giá trung tâm được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) điều chỉnh tăng giảm trong biên độ hẹp;

Lũy kế từ đầu năm 2023, TPCP và TP có bảo lãnh CP đã huy động được 20.832 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu;

Tuần qua các chỉ số của thị trường đã tăng so với tuần trước, thanh khoản các sản phẩm đạt 10,88 nghìn tỷ đồng/phiên.

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/- 1W	%+/- M	%+/- Y
Qua đêm	5,95	0,86	3,14	3,14
1 Tuần	6,25	0,19	1,17	1,17
2 Tuần	7,66	1,97	2,38	2,38
1 Tháng	8,19	-0,03	0,02	0,02
3 Tháng	8,17	-1,72	-0,92	-0,92
6 Tháng	10,86	-0,26	-0,05	-0,05
9Tháng*	9,61	0,00	0	0

Ghi chú: Ngày áp dụng: 12/01/2023

Nguồn: NHNN

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gói thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
09/01/2022	7	10.000	--	--	--
10/01/2022	7	10.000	--	--	--
11/01/2022	7	10.000	--	--	--
12/01/2022	7	10.000	--	--	--
13/01/2022	7	10.000	--	--	--
Tổng cộng		10.000			

Nguồn: NHNN

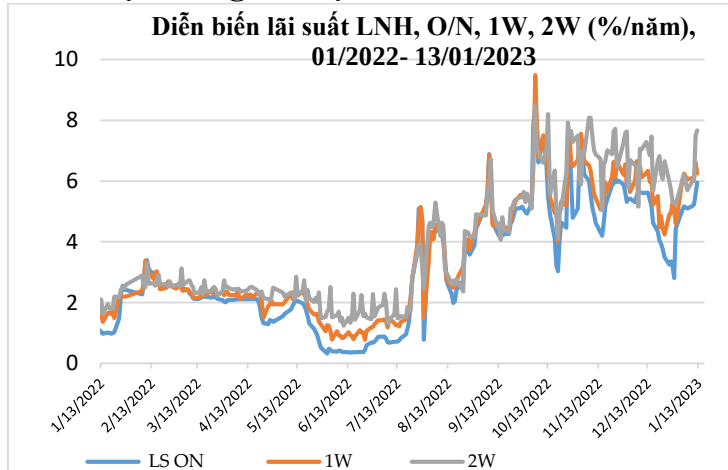
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2023		Tuần 02 (09/01- 13/01/2023)			
Tỷ lệ đăng ký		3,0		2,9			
Tỷ lệ trúng thầu		97%		95%			
Chi tiết gọi		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm						
2	5 Năm	500		500			
3	7 Năm						
4	10 Năm	10.500		6.000			
5	15 Năm	10.500		6.000			
6	20 Năm						
7	30 Năm						
	Tổng	21.500		12.500			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)		
1	3 Năm						
2	5 Năm	1.350	4 - 4,7	1.350	4 - 4,7		
3	7 Năm						
4	10 Năm	31.982	4,3 - 5	16.582	4,3 - 4,8		
5	15 Năm	31.715	4,58 - 5	17.815	4,58 - 5		
6	20 Năm						
7	30 Năm						
	Tổng	65.047		35.747			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	Tuần trước	Đầu năm
						+/-điểm%	+/-điểm%
1	3 Năm					0	2,4
2	5 Năm	-		0 - 0	0 - 0	0	2,3
3	7 Năm						0
4	10 Năm	10.332	4,4 - 5	4,45 - 4,53	4,45 - 4,45	-0,08	2.45
5	15 Năm	10.500	4,67 - 4,9	4,67 - 4,72	4,67 - 4,67	-0,05	2.34
6	20 Năm						2,75
7	30 Năm						2,94
	Tổng	20.832		11.832			

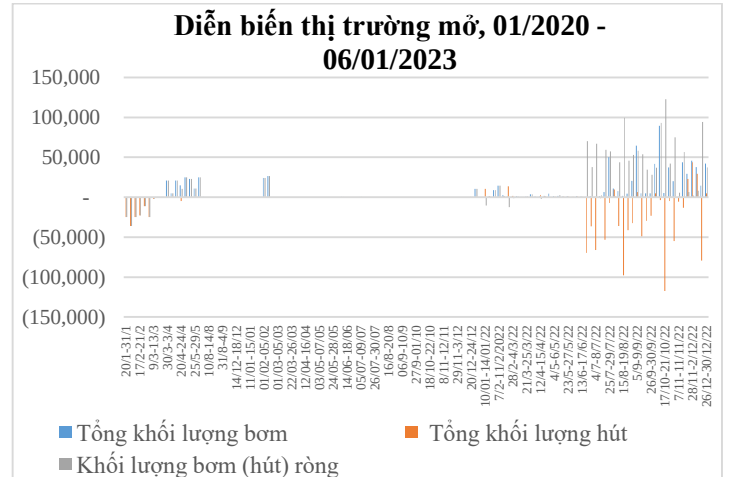
Nguồn: HNX

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

1. Thị trường tiền tệ

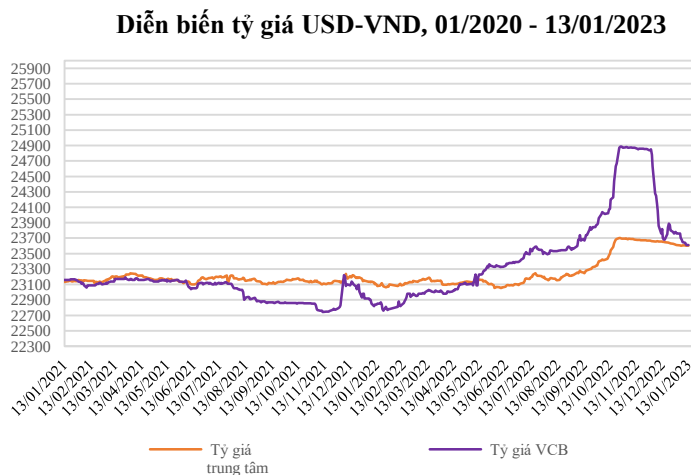


Nguồn: NHNN

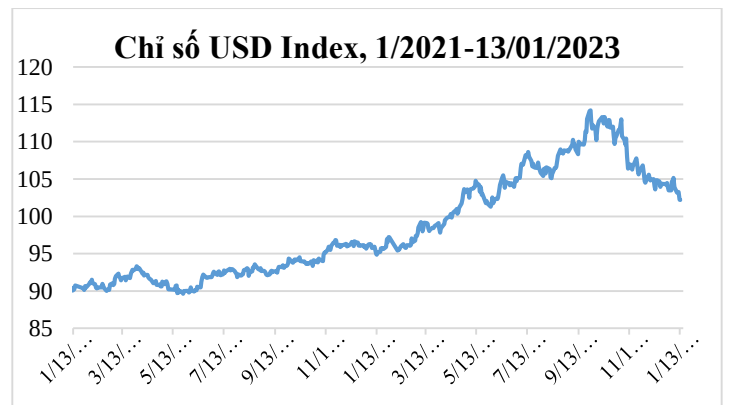


Nguồn: NHNN

2. Thị trường ngoại hối



Nguồn: NHNN

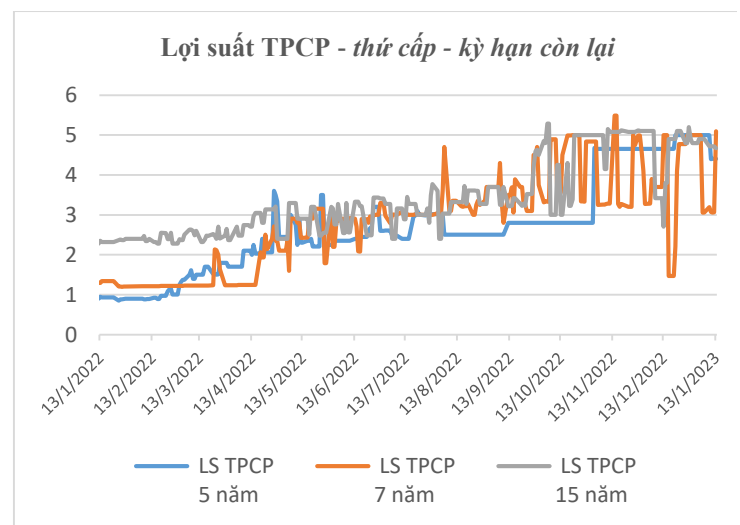


Nguồn: Trading economics

3. Thị trường chứng khoán và TPCP



Nguồn: HNX, HSX



Nguồn: HNX

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ QUỐC TẾ TUẦN 02 (09/-13/01/2023)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	4.50%	4.00%	15/12/2022	01/02/2023
ECB	EURO Zone	2.50%	2.00%	15/12/2022	02/02/2023
BOJ	Nhật Bản	-0.10%	0.00 %	29/01/2016	18/01//2023
PBoC	Tr/Quốc	3.65%	3.70 %	22/08/2022	NA
RBA	Úc	3.10%	2.85%	06/12/2022	07/02/2023
BoE	Anh	3.50%	3.00%	15/12/2022	02/02/2023
BOK	Hàn Quốc	3.25%	3.00 %	24/11/2022	NA
BI	Indonesia	5.50%	5.25%	22/12/2022	19/01//2023
BNM	Malaysia	2.75%	2.50%	03/11/2022	22/01/2023
BOT	Thái Lan	1.25%	1.00%	30/11/2022	25/01/2023
CBR	Nga	7.50%	8.00%	16/09/2022	10/02/2023

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo W	+/_ % theo M	+/_ % YoY
EURUSD	1.08280	1.73%	1.37%	-5.13%
GBPUSD	1.22260	1.11%	-1.57%	-10.58%
AUDUSD	0.69760	1.47%	1.65%	-3.19%
USDJPY	127.880	-3.17%	-5.60%	11.98%
USDCNY	6.70690	-1.81%	-3.40%	5.50%
USDCAD	1.33960	-0.34%	-1.12%	6.74%
USDRUB	65.0000	-10.34%	1.96%	-14.67%
USDKRW	1237.26	-1.30%	-4.49%	3.97%
DXY	102.2040	-1.61%	-1.51%	7.40%
USDTHB	32.8500	-2.78%	-4.81%	-1.05%
USDSGD	1.31910	-1.16%	-2.06%	-1.99%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
United States	3.4980	-0.07%	-0.01%	1.71%
United Kingdom	3.3680	-0.11%	0.06%	2.22%
Japan	0.5060	0.01%	0.26%	0.36%
Australia	3.6070	-0.22%	0.24%	1.77%
Germany	2.1430	-0.07%	0.21%	2.19%
China	2.9330	0.05%	0.04%	0.14%
Singapore	2.7990	-0.14%	-0.21%	1.03%
South Korea	3.3010	-0.27%	-0.11%	0.85%
Taiwan	1.2200	-0.09%	-0.08%	0.49%
Thailand	2.4200	-0.12%	0.05%	0.33%
Vietnam	4.8220	-0.16%	-0.32%	2.68%
Hong Kong	3.2300	-0.36%	-0.07%	1.63%
Indonesia	6.6970	-0.27%	-0.23%	0.30%
Malaysia	3.9380	-0.10%	-0.17%	0.28%
Philippines	6.6600	-0.47%	-0.28%	1.95%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/- % 1 W	+/- % 1 M	+/- % YTD	+/- % 1Y	+/- % 3 Y
Dow Jones	+2.00%	+4.20%	+3.49%	-4.48%	+17.08%
S&P 500	+2.67%	+3.81%	+4.16%	-14.24%	+20.57%
Nasdaq	+4.82%	+3.49%	+5.85%	-25.61%	+18.40%
DAX	+3.26%	+8.59%	+8.35%	-5.02%	+12.34%
FTSE 100	+1.88%	+6.98%	+5.26%	+3.99%	+3.08%
CAC 40	+2.37%	+8.85%	+8.49%	-1.67%	+16.30%
Euro Stoxx 50	+3.31%	+9.12%	+9.42%	-2.84%	+9.98%
Nikkei 225	+0.56%	-5.11%	+0.10%	-7.13%	+9.14%
Shanghai	+1.19%	+0.87%	+3.43%	-9.26%	+3.94%
Hang Seng	+3.56%	+11.76%	+9.89%	-10.85%	-24.74%
SET	+0.47%	+3.87%	+0.78%	+0.54%	+5.38%
KOSPI	+4.20%	+1.10%	+6.69%	-18.34%	+6.14%
IDX Com	-0.64%	-2.50%	-3.05%	-0.77%	+5.66%
PSEi	+4.25%	+7.00%	+5.87%	-4.27%	-9.17%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Crude Oil USD/Bbl	79.860	8.26%	3.30%	-3.11%
Natural gas USD/MMBtu	3.4858	-6.04%	-43.96%	-13.01%
Gasoline USD/Gal	2.5337	12.88%	12.43%	4.54%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	1920.29	2.93%	6.25%	5.67%
Silver USD/t.oz	24.260	1.88%	1.52%	5.71%
Lithium CNY/T	482500	-3.98%	-14.22%	47.33%
Platinum SD/t.oz	1064.76	-2.32%	3.49%	9.75%

I. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Copper USD/Lbs	4.2148	7.84%	8.73%	-4.65%
Steel CNY/T	4086.00	2.23%	4.13%	-12.64%
Iron Ore USD/T	127.00	7.17%	15.45%	0.00%
Aluminum USD/T	2595.00	13.05%	6.18%	-12.82%
Tin USD/T	28756	13.80%	18.46%	-28.74%
Zinc USD/T	3324.00	9.94%	2.64%	-5.60%
Nikel USD/T	26599	-4.68%	-5.49%	17.85%
Coal USD/T	370.25	-6.86%	-8.58%	76.73%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 14/01/2023

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

WB hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu

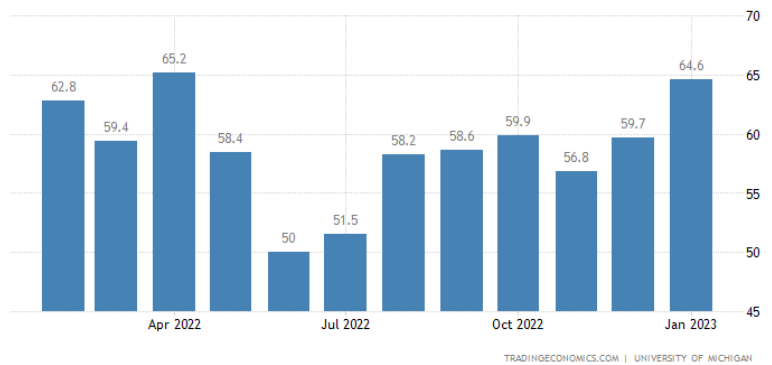
Ngân hàng Thế giới dự báo nền kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng 1,7% vào năm 2023 và 2,7% vào năm 2024.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ suy giảm mạnh và dự kiến sẽ lan rộng, với dự báo điều chỉnh giảm đối với 95% nền kinh tế phát triển và gần 70% các thị trường mới nổi và nền kinh tế đang phát triển vào năm 2023.

Tăng trưởng ở các nền kinh tế phát triển được dự đoán sẽ chậm lại, từ 2,5% vào năm 2022 xuống còn 0,5% vào năm 2023. Trong 2 thập kỷ qua, sự suy giảm lớn cỡ này thường báo trước một cuộc suy thoái toàn cầu.

Nguồn: Báo cáo GEP của WB, tháng 1/2023

Niềm tin tiêu dùng đã tăng mạnh



Mỹ:

Tâm lý tiêu dùng Mỹ tăng cao nhất 9 tháng

Chỉ số tâm lý tiêu dùng tháng 1/2023 do Đại học Michigan công bố tăng lên 64,6 điểm (tháng 12/2022 là 59,7) – đây là mức cao nhất kể từ tháng 4/2022, vượt ước tính sơ bộ (60,5).

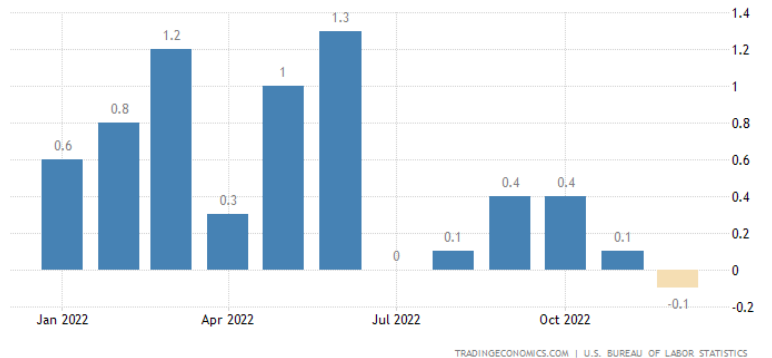
CPI tháng 12/2022 giảm lần đầu tiên kể từ tháng 5/2020

Chỉ số giá tiêu dùng Mỹ tháng 12 vừa qua giảm 0,1% MoM.

Giá xăng dầu giảm 9,4% MoM, tăng 7,3% YoY – chậm lại đáng kể so với mức tăng 13,1% tháng 11/2022. Đây là mức tăng thấp nhất kể từ tháng 2/2021.

Giá lương thực tăng nhẹ 0,3% MoM (tháng trước tăng 0,5%) và tăng 10,4% YoY (tháng 11 là 10,6%, đỉnh điểm là 11,4% vào tháng 8/2022).

CPI tháng 12/2022 đã giảm



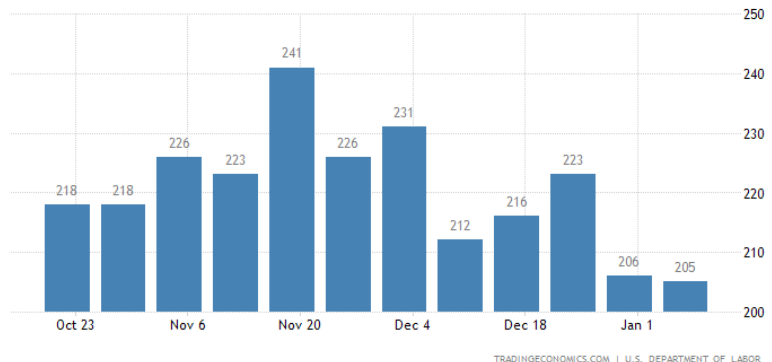
Giá xuất khẩu tháng 12 giảm nhiều hơn dự báo

Giá hàng hóa xuất khẩu giảm 2,6% so với tháng trước, vượt mạnh dự báo chỉ giảm 0,5%. Đây là tháng thứ 6, giá xuất khẩu giảm liên tiếp. So với cùng kỳ năm trước, giá xuất khẩu Mỹ tăng 5% - tăng ít nhất kể từ tháng 1/2021.

Giá nhập khẩu tháng 12 bất ngờ tăng lên

Giá nhập khẩu tăng 0,4% so với tháng trước (tháng 12/2022 giảm 0,7%, dự báo thị trường giảm 0,9%). Đây là tháng đầu tiên giá tăng kể từ tháng 6/2022.

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp giảm



Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tuần đầu năm (đến 07/01/2023) giảm 1000 đơn còn 205 nghìn đơn, thấp hơn so với dự kiến 215 nghìn

– mức thấp nhất trong vòng 3 tháng qua, dấu hiệu cho thấy thị trường lao động tiếp tục chặt chẽ dù từ năm ngoái Fed đã thắt chặt tiền tệ.

Khu vực EURO

Niềm tin tiêu dùng tăng cao nhất 7 tháng

Niềm tin tiêu dùng ở khu vực Euro dù ở mức rất thấp (dưới mức trung bình dài hạn) nhưng trong tháng 12/2022 đã là mức tăng 3 tháng liên tiếp lên mức -22,2 điểm.

Lạm phát tăng thấp nhất 4 tháng

Tỷ lệ lạm phát hàng năm tháng 12/2022 khu vực EURO đã giảm tốc xuống 9,2% YoY (giảm 0,3% MoM), tháng trước là 10,1%, dự báo sơ bộ là 9,7%.

Giá năng lượng tăng với tốc độ đã chậm hơn là 25,7% so với con số tháng trước đó là 34,9%.

Nếu loại bỏ giá năng lượng, lương thực và đồ uống có cồn, thuốc lá, lạm phát tăng 5,2% (tháng trước 5%).

So với tháng trước, giá sản xuất tháng 11/2022 giảm 0,9% giảm tháng thứ 2 liên tiếp, (tháng trước giảm 3%), khớp với kỳ vọng thị trường.

So với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ lạm phát giá sản xuất giảm đã tăng xuống 27,1% (tháng trước là 30,5%, kỳ vọng thị trường là 27,5%). Đây là những dấu hiệu cho thấy áp lực lạm phát khắp châu Âu vẫn cao trước lo ngại suy thoái kinh tế, tăng chi phí vốn vay và khủng hoảng năng lượng gia tăng.

Thất nghiệp ở mức thấp kỷ lục

Tỷ lệ thất nghiệp điều chỉnh theo yếu tố mùa vụ khu vực EURO trong tháng 11/2022 đứng ở mức 6,5%, không thay đổi so với tháng trước đó (cùng kỳ năm trước là 7,1%).

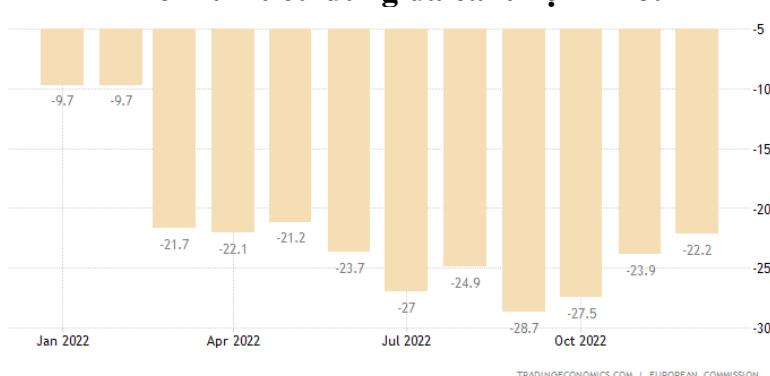
Những nền kinh tế lớn trong khu vực có tỷ lệ thất nghiệp cao là Tây Ban Nha (12,4%), Ý (7,8%), Pháp (7%) trong khi Hà Lan (3,6%), Đức (3%)

Trung Quốc: Thặng dư thương mại cao

Trong tháng 12/2022, kim ngạch xuất khẩu bằng USD giảm 9,9% so với cùng kỳ, khả quan hơn dự báo giảm 11,1%, nhưng giảm mạnh hơn so với mức 8,7% của tháng trước. Cả năm, kim ngạch xuất khẩu Trung Quốc

Nguồn: BLS/BEA

Niềm tin tiêu dùng đã cải thiện nhiều



Lạm phát ở khu vực EURO đang trên đà giảm



Thất nghiệp châu Âu giảm thấp



Nguồn: eurostat/Tradingeconomics

Tăng trưởng xuất khẩu mạnh trong phần lớn thời gian của năm 2022, qua đó đóng vai trò “đầu kéo” quan trọng cho nền kinh tế lớn thứ hai thế giới trong bối cảnh thị trường nhà ở và nhu cầu tiêu dùng yếu ớt.

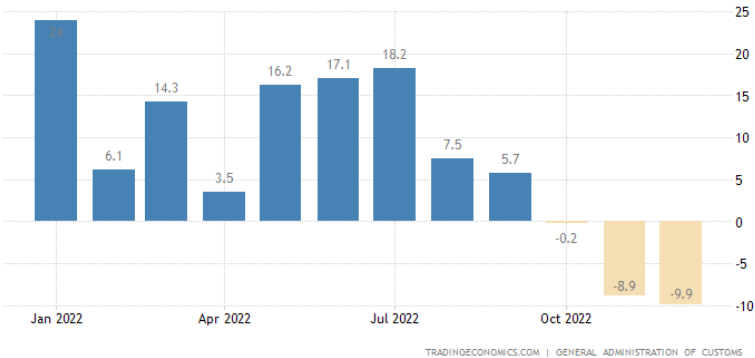
Tuy nhiên, xu hướng bắt đầu đảo ngược trong tháng 10/2022, khi nhu cầu dồn nén vì đại dịch bắt đầu suy yếu và các NHTW trên thế giới nâng lãi suất để kìm hãm lạm phát.

tăng 7% lên 3,6 ngàn tỷ USD - mức cao nhất từ trước đến nay.

Kim ngạch nhập khẩu giảm 7,5%, khả quan hơn mức dự báo giảm 10%.
Thặng dư thương mại 78 tỷ USD trong tháng 12/2022, cả năm thặng dư thương mại 878 tỷ USD – cao kỷ lục.

Sự gián đoạn vì dịch COVID-19 ở Trung Quốc cũng làm đứt gãy chuỗi cung ứng, qua đó gây áp lực lên xuất khẩu.

Xuất khẩu giảm mạnh hơn



Nguồn: TCHQ Trung Quốc

Giá hàng hóa thế giới tuần qua

Kết thúc phiên giao dịch ngày cuối tuần trước, hợp đồng vàng giao ngay tăng 1,3% lên 1.920,70 USD/oz, mức cao nhất kể từ cuối tháng 4/2022. Hợp đồng này đã tăng 2,9% trong tuần qua. Hợp đồng vàng tương lai tăng 1,2% lên 1.921,7 USD/oz.

Đồng USD ghi nhận tuần tồi tệ nhất trong 1 tháng, làm vàng trở nên ít đắt đỏ hơn đối với người nắm giữ những đồng tiền khác.

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu Brent tăng 1,25 USD (tương đương 1,5%) lên 85,28 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI tăng 1,47 USD (tương đương 1,9%) lên 79,86 USD/thùng, leo dốc 7 phiên liên tiếp.

Dầu Brent tăng 8,6% trong tuần, còn dầu WTI tăng 8,4%, phục hồi từ tuần sụt giảm trước đó.

Đồng USD suy yếu có xu hướng thúc đẩy nhu cầu dầu, làm hàng hoá này trở nên ít đắt đỏ hơn đối với người mua nắm giữ những đồng tiền khác.

Nguồn: OPEC/Kitco

II. Thị trường tài chính

NHTW các nước

FED: Xác suất tăng lãi suất tăng 25 điểm cơ bản rất cao

LÃI SUẤT MỤC TIÊU (ĐIỂM CƠ BẢN)	XÁC SUẤT(%)		
	HIỆN TẠI *	TUẦN TRƯỚC 13/01/2023	THÁNG TRƯỚC 06/01/2023
450-475	93.2%	93.7%	75.7%
475-500	6.8%	6.3%	24.3%

*Dữ liệu tính đến 15/01/2023

Nguồn: Fed/CMC

Lãi suất điều hành khu vực Đông Nam Á: Chu kỳ tăng lãi suất có thể kết thúc trong quý I/2023

Lạm phát chậm lại ở Mỹ khiến Fed có xu hướng giảm tốc độ tăng lãi suất xuống còn 25 điểm cơ bản trong cuộc họp sắp tới, nhiều nhà phân tích kỳ vọng các đợt tăng lãi suất ở Đông Nam Á có thể kết thúc trong quý I/2023. Điều đó sẽ hỗ trợ các cơ quan tài chính, tiền tệ trong việc duy trì tăng trưởng trong bối cảnh lo ngại suy thoái kinh tế ở nhiều nền kinh tế lớn.

Theo dữ liệu khảo sát của Bloomberg, các nhà hoạch định chính sách ở Indonesia, Philippines và Thái Lan sẽ tăng lãi suất thêm 50 điểm cơ bản trong những tháng tới trước khi đạt đến mức cao nhất. Trong khi đó, Malaysia sẽ giới hạn chu kỳ tăng lãi suất với mức tăng thêm 25 điểm cơ bản.

Mặc dù khu vực Đông Nam Á phải đối mặt với ít trở ngại hơn so với các quốc gia khác ở Nam Á, nhưng các nhà hoạch định chính sách đã tìm đến cả các công cụ truyền thống và phi truyền thống trong năm qua để hạ nhiệt lạm phát và hỗ trợ các loại tiền tệ chịu áp lực tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed).

Nguồn: Nikkei/Bloomberg

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. Kinh tế vĩ mô

Nghị quyết 01/NQ-CP

06 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng,

Trong đó có chú trọng: Nâng cao năng lực phân tích, dự báo; chủ động đối với mọi tình huống, nhạy bén nắm bắt những diễn biến mới của tình hình, kịp thời, quyết liệt xử lý có hiệu quả các vấn đề, xây dựng các kịch bản, phương án linh hoạt, thích ứng với các vấn đề mới phát sinh. Tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chắc chắn, chủ động, linh hoạt, hiệu quả; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với chính sách tài khóa mở rộng và các chính sách khác; điều hành kịp thời các công cụ chính sách vĩ mô, tài khóa, tiền tệ để cân bằng hợp lý, hiệu quả giữa tỷ giá với lãi suất, giữa kiểm soát lạm phát với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phù hợp với tình hình thực tiễn.

11 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Trong đó, có trọng tâm là: Tiếp tục ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

Đẩy mạnh thực hiện thực chất, hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính độc lập, tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế.

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2023

Ngân hàng Thế giới dự báo: 6,3%

IMF dự báo: 5,8%

Viện Quản lý kinh tế trung ương: 6,47% - 6,83%

Báo cáo triển vọng kinh tế năm 2023 của CIEM đưa ra 2 kịch bản cập nhật dự báo kinh tế Việt Nam 2023:

Kịch bản 1, tăng trưởng kinh tế năm 2023 có thể đạt mức 6,47%. Xuất khẩu tăng 7,21% và thặng dư thương mại đạt 5,64 tỷ USD; lạm phát sẽ ở mức 4,08%;

Kịch bản 2, CIEM dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2023 sẽ tích cực hơn lên mức 6,83%. Xuất khẩu tăng 8,43% và thặng dư thương mại đạt 8,15 tỷ USD. Tuy nhiên, lạm phát sẽ được kiểm soát ở mức 3,69%.

Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2021 – 2025. Dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến rất phức tạp, nhanh chóng, khó đoán định. Cạnh tranh chiến lược các nước lớn, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại gay gắt hơn. Xung đột quân sự tại Ukraine còn có thể kéo dài. Hậu quả đại dịch COVID-19 trên toàn cầu còn phải khắc phục nhiều năm.

Lạm phát tiếp tục ở mức cao, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất kéo dài tại nhiều quốc gia. Nguy cơ mất thanh khoản, rủi ro, bất ổn về tài chính, tiền tệ, nợ công, bất động sản, an ninh năng lượng, lương thực, thông tin trên toàn cầu gia tăng. Kinh tế toàn cầu có xu hướng tăng trưởng chậm lại, một số quốc gia có dấu hiệu rơi vào suy thoái kinh tế.

Trong nước, nền kinh tế có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Sức ép lạm phát, tỷ giá, lãi suất gia tăng; sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức; các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống của Việt Nam bị thu hẹp. Những tồn tại, hạn chế, bất cập từ nội tại nền kinh tế về cơ cấu kinh tế, năng lực sản xuất trong nước, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tích tụ từ lâu chưa được xử lý dứt điểm; quy mô nền kinh tế nước ta còn khiêm tốn nhưng độ mở lớn, khả năng cạnh tranh và sức chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài còn hạn chế; những yếu tố đột xuất, bất ngờ vẫn tiềm ẩn rủi ro, khó dự báo; dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, bão lũ tiếp tục diễn biến bất thường, ảnh hưởng nặng nề hơn.

Nguồn: Nghị quyết 01/NQ-CP

Ngân hàng Thế giới (World Bank):

Đưa ra mức dự báo cao hơn cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2023 là 6,3%. Đây là mức dự báo tăng trưởng cao thứ 2 trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Các hoạt động kinh tế có thể sẽ được hỗ trợ do nhu cầu dồn nén tại Trung Quốc đã được giải phóng khi quốc gia này dỡ bỏ gần hết các hạn chế di chuyển liên quan đến COVID-19.

Bà Antoinette Sayeh, Phó Tổng Giám đốc Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF):

“Việt Nam là một trong những nền kinh tế có thành tích tốt nhất khu vực châu Á - Thái Bình Dương với tăng trưởng GDP trên 8% và lạm phát giữ dưới mức mục tiêu của Ngân hàng Nhà nước. Năm 2023, nhu cầu sụt giảm ở các nền kinh tế lớn sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam, xu hướng thắt chặt tài chính trên toàn cầu cũng sẽ tác động đến ngành sản xuất. Nhu cầu trong nước không thể tăng quá mạnh khi Ngân hàng Nhà nước thực hiện các biện pháp để kiểm soát lạm phát. Với tất cả những rào cản này, chúng tôi dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2023 sẽ khoảng 5,8%, đây vẫn là mức cao đáng kể so với các nước khác trong khu vực hay nhiều nước trên thế giới, dù không bằng 2022, nhưng vẫn là một sự tăng trưởng mạnh mẽ”.

Nguồn: WB/IMF/CIEM

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Thị trường tiền tệ trong tuần 02, từ 09-13/01/2023.

- Lãi suất VND liên ngân hàng tiếp tục tăng ở tất cả các kỳ hạn.
- Thị trường mở tuần từ 9-13/1, NHNN chào thầu 50.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố bao gồm hai kỳ hạn 7 ngày từ thứ Hai tới thứ Năm và 14 ngày ở phiên thứ Sáu, lãi suất cùng ở mức 6,00%, có 39.666,56 tỷ đồng trúng thầu; có 27.988,19 tỷ đồng đáo hạn.

- Thị trường tiền tệ LNH tuần từ 9-13/1, lãi suất VND liên ngân hàng tiếp tục tăng ở tất cả các kỳ hạn. Chốt ngày 13/1, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 6,02% (+0,99 điểm phần trăm so với phiên cuối tuần trước đó); 1 tuần 6,52% (+0,52 điểm phần trăm); 2 tuần 7,04% (+0,26 điểm phần trăm); 1 tháng 8,00% (+0,07 điểm phần trăm).

- NHNN chào thầu tín phiếu NHNN cũng với hai kỳ hạn 7 ngày từ thứ Hai tới thứ năm và 14 ngày ở phiên thứ Sáu, có 110.000 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất trúng thầu từ 5,50-6,00%; có 97.349,6 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 972,03 tỷ đồng từ thị trường thông qua nghiệp vụ thị trường mở, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 60.660,56 tỷ đồng, tín phiếu NHNN ở mức 110.000 tỷ đồng.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.2. Thị trường ngoại hối

- Diễn biến thị trường ngoại tệ và tỷ giá VND/USD trong tuần 02 cơ bản ổn định, không ghi nhận biến động bất thường.

- Chỉ số USD Index trong tuần 02 tiếp tục xu thế giảm so với tuần trước. Chốt phiên ngày 13/01/2023, DXY ở mức 102,180 điểm, giảm 1,731 điểm so với cuối phiên tuần trước và giảm 0,064 điểm so với phiên ngày hôm trước.

- Thị trường ngoại tệ trong tuần từ 9-13/1, tỷ giá trung tâm được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) điều chỉnh tăng giảm trong biên độ hẹp. Chốt ngày 13/1, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.602 VND/USD, giảm 3 đồng so với cuối tuần trước đó.

- Sở giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua USD ở 23.450 VND/USD, giá bán ở 24.780 VND/USD.

- Tỷ giá do Ngân hàng VCB niêm yết tiếp tục giảm so với tuần trước. Chốt phiên ngày cuối tuần ở mức 23.610 VND/USD, giảm 40 đồng so với cuối phiên tuần trước và giữ ở mức 23.610 trong 3 phiên cuối tuần.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp:

Tuần 02 (09/01- 13/01/2023)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **11.832/12.500** tỷ đồng, trúng tương ứng với tỷ lệ là 95%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với tuần trước: 10 năm - lãi suất 4,45 % (*giảm 0,08 điểm %*); 15 năm - lãi suất 4,67 % (*giảm 0,05 điểm %*)

Lũy kế từ đầu năm 2023, TPCP và TP có bảo lãnh CP đã huy động được **20.832** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Trên thị trường thứ cấp:

Tuần 02 (09/01- 13/01/2023).

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 4.339 tỷ đồng/ phiên, giảm 100,1 % so với tuần trước. Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP bảo lãnh biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

5 năm	tăng	0.0096	điểm %
7 năm	tăng	2.0346	điểm %
10 năm	giảm	0.0799	điểm %
15 năm	tăng	1.47	điểm %

Nguồn: HNX; HSX; NHNN

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán: Tuần qua các chỉ số của thị trường đã tăng so với tuần trước, thanh khoản các sàn bình quân đạt 10,88 nghìn tỷ đồng/phiên.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 13/01/2023 so với tuần trước là 57,7%. Với mức này thì

VN-Index ở phiên cuối tuần là 1060,17 điểm (+8,73 điểm; +0,8%) và *HNXIndex* đóng cửa ở 211,26 điểm (+0,61 điểm ; +0,3%) so với tuần giao dịch trước;

Khối ngoại đã bán ròng hơn 1.400 tỷ VND trong tuần qua (chủ yếu bán thỏa thuận).

giảm 31,1 điểm % so với cuối năm 2020 và giảm 65,73 điểm % so với cuối năm 2021.

1. *Vốn hóa cả 3 sàn ngày cuối tuần. (5,46 triệu tỷ VND)*

2. *GDP TCTK công bố 4 quý liền kề FMSIS (9,467 triệu tỷ VND)*

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
BTC	Thông tư 03/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	10/01/2023	26/02/2023	https://luatvietnam.vn/khoa-hoc/thong-tu-03-2023-tt-btc-241033-d1.html

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
1. Chính phủ, bộ ngành				
CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 95/2021/NĐ-CP và 83/2013/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu	13/01/2023		https://thuvienphapluat.vn/page/tim-van-ban.aspx?keyword=&match=True&area=0&status=100
2. Ngân hàng				
3. Tài chính				

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA